

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 71/2017/QĐST - HNGĐ
V/v: Xin ly hôn

An Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 63/2017/TLST/HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Anh **Trần Văn Q**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khóm 1, phường T.X, Tp. C.M, tỉnh Cà Mau.

* Bị đơn: Chị **Trương Ô S**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp N.B, xã Đ.H, huyện A.M, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58 và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Văn Q và chị Trương Ô S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về con chung*: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của anh Trần Văn Q và chị Trương Ô S. Tiếp tục giao cháu Trần Văn K, sinh ngày 06/12/2012 cho chị Trương Ô S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị S không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung sau khi ly hôn.

* *Về tài sản chung*: Ghi nhận sự thoả thuận của anh Q và chị S theo văn bản được lập ngày 30/6/2017, cụ thể xác định tài sản chung của vợ chồng gồm:

- 01 phần đất sản xuất nông nghiệp có diện tích 16.776m² tọa lạc tại ấp N.B, xã Đ.H, huyện A.M, tỉnh Kiên Giang, do anh Trần Văn Q đứng tên trong giấy chứng

nhận QSD đất số BN360985 UBND huyện A.M, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 10/3/2014. Đất hiện nay vợ chồng đang sử dụng chung.

- 01 Một căn nhà bằng cây lá cất trên phần đất của vợ chồng nêu trên cùng một số vật dụng sinh hoạt trong nhà như tủ áo, tủ lạnh, giường, mô tua bom nước...Hiện nay chị Trương Ô S đang quản lý sử dụng.

- 12 (mười hai) chỉ vàng 24kr loại thường, anh Trần Văn Q đang quản lý.

- 10 (Mười) chỉ vàng 18kr, chị Trương Ô S đang quản lý.

* *Khi ly hôn, anh Q và chị S thống nhất tự phân chia tài sản như sau:*

- Chị Trương Ô S được sở hữu và sử dụng các tài sản sau:

+ 10 (Mười) chỉ vàng 18kr mà chị Trương Ô S đang quản lý.

+ 01 căn nhà và toàn bộ vật dụng sinh hoạt hiện có trong nhà mà chị Trương Ô S đang quản lý.

+ Được quyền sử dụng toàn bộ diện tích 16.776m² đất của vợ chồng tọa lạc tại ấp N.B, xã Đ.H, huyện A.M, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận QSD đất số BN360985 do Trần Văn Q đứng tên mà UBND huyện A.M, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 10/3/2014. Chị S và anh Q cùng có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển tên trong giấy chứng nhận QSD đất cho Trương Ô S.

- Anh Trần Văn Q được sở hữu và sử dụng các tài sản sau:

+ 12 (Mười hai) chỉ vàng 24kr mà Trần Văn Q đang quản lý.

+ Số tiền 303.000.000đ (*Ba trăm lẻ ba triệu đồng*) mà chị Trương Ô S thôi lại cho Q một phần giá trị của diện tích đất 16.776m². Anh Trần Văn Q đã nhận số tiền 253.000.000đ (*Hai trăm năm mươi ba triệu đồng*). Sau khi làm xong thủ tục và chị Trương Ô S được cấp giấy chứng nhận QSD đất thì chị S sẽ giao đủ cho anh Trần Văn Q số tiền còn lại là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

* *Về nợ chung:* Không có, anh Q và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về án phí HNST:* Anh Trần Văn Q tự nguyện chịu số tiền án phí ly hôn là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh Q đã nộp theo lai thu số 0002827 ngày 22/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Anh Q còn được nhận lại số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo lai thu nói trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự.
- VKSND cùng cấp.
- CQ thực hiện việc ĐKKH.
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh